



Số: 0189.1(3).NT-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH KHÍ TÂY NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ : Ấp 6, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/06/2026
Mã số mẫu : 26.0189.NT4
Thông tin lấy mẫu : Tại vị trí thu gom trước khi đổ vào hệ thống của Nhà máy Đạm
Ngày phân tích mẫu : 01/07/2026 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

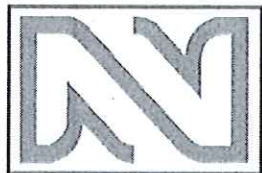
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,4°C)	-	7,33	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TDS ^(a)	mg/L	639	1.000	HD-ĐN-N03 ^(*)
3.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	8,61	120	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	15,2	60	TCVN 6001-1:2021
5.	Nitrat (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	5,06	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023
6.	Amoni (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	45,1	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0189.1(3).NT-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
7.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	0,163	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
8.	Phosphat (tính theo P) ^{(a)(b)}	mg/L	6,83	12	SMEWW 4500-P.E:2023
9.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD = 1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
10.	CHĐBM anion ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	240	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường chứng nhận (VIMCERTS 314)

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

thực **PHỤ TRÁCH**
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

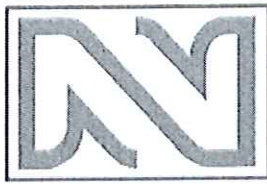
Nguyễn Thanh Hùng

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0189.NS.2(3)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH KHÍ TÂY NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Địa chỉ : **Ấp 6, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam**
Địa chỉ lấy mẫu : **TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : **Nước sạch**
Mô tả mẫu : **Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh**
Ngày nhận mẫu : **30/06/2026**
Mã số mẫu : **26.0189.NS4**
Tên mẫu : **Tại vòi nước ngẫu nhiên**
Ngày phân tích mẫu : **01/07/2026** Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

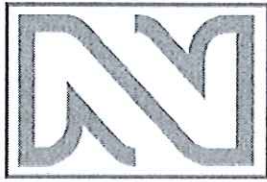
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) / Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(b) (25,1°C)	-	8,13	2 ÷ 12	6,0 ÷ 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Mùi vị	-	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	HD - TN - N47 (Ref.SMEWW 2150:2023, ref SMEWW 2160:2023)
3.	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 ÷ 1.100	2	SMEWW 2130B:2023
4.	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 ÷ 500	15	TCVN 6185:2015 HD-ĐN-N06
5.	Clo dư ^(b)	mg/L	0,24	0,01 ÷ 5	0,2 ÷ 1,0	SMEWW 4500-Cl G:2023
6.	Chỉ số Pecmanganat ^(b)	mg/L	< 1,0	1,0	2	TCVN 6186 :1996
7.	As ^(b)	µg/L	KPH	6,0	10	SMEWW 3114C:2023
8.	Coliform ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9.	E.coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0189.NS.2(3)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) / Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
10.	<i>Staphylococcus aureus</i> ^(b)	CFU /100mL	< 1 ^(c)	1	< 1	SMEWW 9213B:2023
11.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> ^(b)	CFU /100mL	< 1 ^(c)	1	< 1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)

Ghi chú:

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

Ma PHỤ TRÁCH *th F*
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017